

Bản án số: 21/2019/HC-ST

Ngày: 22-5-2019

V/v khiếu kiện quyết định và hành vi về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi thu hồi đất và quyết định giải quyết khiếu nại

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Thu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Thanh Quan

2. Ông Nguyễn Văn Tĩnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Hy Len - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:

Ông Chiêm Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 60/2018/TLST-HC ngày 12 tháng 7 năm 2018 về việc: “Khiếu kiện quyết định và hành vi về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi thu hồi đất và quyết định giải quyết khiếu nại”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2019/QĐXXST-HC ngày 03 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện:

1. Chị Đinh Huỳnh Phương T, sinh năm 1991 (vắng mặt).

2. Anh Đinh Huỳnh Phương D, sinh năm 1997 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Khu phố 8, thị trấn D, huyện P, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của chị T, anh D: Ông Bùi Hồng Đ, sinh năm 1960 (có mặt).

Địa chỉ: Số 71 Trần Quốc Toản, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

- *Người bị kiện:*

1. Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Kiên Giang
2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo pháp luật của Ủy ban nhân dân huyện P: Ông Mai Văn H – Chức vụ: Chủ tịch (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

Địa chỉ: Số 4 đường 30/4, khu phố 2, thị trấn D, huyện P, tỉnh Kiên Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Lê Thị T, sinh năm 1936 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố 4, thị trấn D, huyện P, Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T: Ông Bùi Hồng Đ, sinh năm 1960.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ kiện, người khởi kiện chị Đinh Huỳnh Phương T, anh Đinh Huỳnh Phương D và người đại diện ông Bùi Hồng Đ trình bày:

Nguồn gốc diện tích 41.126,8m² tọa lạc tại ấp Đường Bào, xã D, huyện P, tỉnh Kiên Giang do ông Đinh Văn T (còn có tên gọi là Đinh Quang T) và bà Huỳnh Thị M là cha mẹ của chị Đinh Huỳnh Phương T và anh Đinh Huỳnh Phương D tạo lập từ năm 1993. Bà M chết năm 2001, ông T chết năm 2017 không để lại di chúc.

Ngày 28/10/2011, UBND huyện P ban hành 04 quyết định: Quyết định số 5301/QĐ-UBND, Quyết định số 5302/QĐ-UBND, Quyết định số 5303/QĐ-UBND, Quyết định số 5304/QĐ-UBND thu hồi toàn bộ diện tích đất của gia đình ông T để thực hiện dự án khu du lịch – dân cư Nam Bãi Trường.

Ngày 10/11/2011 UBND huyện P ban hành Quyết định số 5883/QĐ-UBND hỗ trợ một phần diện tích đất 10.582,6m² mà không bồi thường về đất cho ông T với số tiền 138.063.200 đồng.

Ông T khiếu nại đến UBND huyện P. Ngày 12/9/2016 Chủ tịch UBND huyện P ban hành Quyết định số 4438/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại của T, với nội dung: Xác định diện tích đất bị thu hồi của ông T sử dụng từ năm 2000 nên chỉ được hỗ trợ 40% giá đất rừng sản xuất. Về diện tích đất hỗ trợ căn cứ

theo Quyết định số 03/QĐ-UBND ngày 11/02/2010 của UBND tỉnh Kiên Giang, thì ông T được hỗ trợ tối đa 30.000m², ông T đã được hỗ trợ 10.582,6m² nên ủy ban sẽ ban hành Quyết định hỗ trợ thêm diện tích 19.178,4m².

Sau khi ông T chết, kiểm tra giấy tờ do ông T để lại thì chị T, anh D mới biết có việc thu hồi đất và việc ông T khiếu nại. Theo nội dung Quyết định số 4438/QĐ-UBND thì Chủ tịch UBND huyện P đồng ý hỗ trợ thêm cho ông T đối với diện tích đất 19.178,4m² nhưng trong tập hồ sơ để lại không tìm thấy quyết định hỗ trợ.

Khi xem xét nội dung Quyết định số 4438/QĐ-UBND biết rằng Chủ tịch UBND huyện P chấp nhận một phần khiếu nại của ông T, hỗ trợ thêm 19.178,4m² để đủ hạn mức nhưng không thấy quyết định hỗ trợ bổ sung. Tháng 4/2018 chị T đến Ban Đền bù giải tỏa huyện P để hỏi thì được cung cấp Quyết định số 4208/QĐ-UBND ngày 25/8/2016 hỗ trợ thêm cho gia đình ông T 354.211.200 đồng.

Chị T, anh D xác định toàn bộ diện tích đất bị thu hồi của gia đình ông T đã sử dụng có nguồn gốc từ trước năm 1993, việc UBND huyện P thu hồi chỉ hỗ trợ, không bồi thường về đất là không đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 45 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25/5/2007.

Ngày 26/6/2018, chị T và anh D khởi kiện yêu cầu TAND tỉnh Kiên Giang hủy các quyết định sau:

- Quyết định số 5883/QĐ-UBND ngày 10/11/2011 của UBND huyện P về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho ông Đình Văn T;
- Quyết định số 4208/QĐ-UBND ngày 25/8/2016 của UBND huyện P về việc bổ sung bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho ông Đình Văn T;
- Quyết định số 4438/QĐ-UBND ngày 12/6/2016 của Chủ tịch UBND huyện P về việc giải quyết khiếu nại cho ông Đình Văn T; không yêu cầu Chủ tịch UBND huyện P giải quyết nại lại.

- Đồng thời, buộc UBND huyện P ban hành quyết định bồi thường cho những người thừa kế của ông Đình Văn T theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ kiện, người bị kiện UBND huyện P và Chủ tịch UBND huyện P đã được tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, Quyết định

đưa vụ án ra xét xử của Tòa án nhưng không có văn bản nêu ý kiến về yêu cầu khởi kiện của chị T, anh D và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.

Trong quá trình giải quyết vụ kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị T do người đại diện ông Bùi Hồng Đ trình bày:

Bà Lê Thị T là mẹ ruột của ông Đinh Văn T. Bà T, chị T, anh D là những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông T.

Bà T thống nhất với nội dung và yêu cầu khởi kiện của chị T, anh D. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, anh D.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Ông Đ đại diện cho chị T và anh D giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Ông Đ xác định khi khởi kiện chị T và anh D không biết được UBND huyện P đã ban hành Quyết định số 5884/QĐ-UBND ngày 10/11/2011 nên không khởi kiện. Quyết định này cũng là quyết định hỗ trợ đối với một phần diện tích đất bị thu hồi nên yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét hủy luôn quyết định này.

Chị T và anh D không yêu cầu Chủ tịch UBND huyện P giải quyết khiếu nại lại.

Bà T yêu cầu Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T và anh D.

Ông Đ xác định diện tích đất của ông T khai phá sử dụng từ trước ngày 01/7/2004, có thành quả lao động trên đất. Từ ngày sử dụng đến khi bị thu hồi đất không bị cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính nên đủ điều kiện để được bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi thu hồi đất. UBND huyện P khi thu hồi đất của ông T không bồi thường giá trị quyền sử dụng đất mà chỉ hỗ trợ là không đúng quy định tại điểm d khoản 1 Điều 45 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính Phủ.

Đại diện UBND huyện P và Chủ tịch UBND huyện P vắng mặt tại phiên tòa nên không ghi nhận được ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án đúng thẩm

quyền, thu thập chứng cứ đủ điều kiện để giải quyết vụ kiện. Tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính. Đối với người khởi kiện và đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện đã chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính. Chủ tịch UBND huyện P có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt người bị kiện là đúng quy định tại khoản 1 Điều 158 Luật Tố tụng hành chính.

- Về giải quyết vụ án: UBND huyện P xác định diện tích đất thu hồi của ông T đã được giao cho Ban Quản lý rừng phòng hộ và đặc dụng P từ năm 1998. Năm 2000, ông T vào sử dụng trái phép. Tuy nhiên Ban Quản lý rừng phòng hộ và Đặc dụng P sau khi được giao đất không thể hiện ranh mốc tại thực địa, quá trình ông T sử dụng đất không bị cơ quan quản lý nhà nước về đất đai xử lý vi phạm hành chính hay cưỡng chế về đất. Chủ tịch UBND huyện P kết luận tại Quyết định số 4438/QĐ-UBND ngày 12/9/2016 cho rằng ông T sử dụng đất trái phép để áp dụng quy định tại điểm d khoản 1 Điều 45 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP, không chấp nhận bồi thường mà chỉ hỗ trợ 40% giá đất rừng cho ông T theo định mức là không phù hợp. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Huỳnh Phương T và anh Đinh Huỳnh Phương D về việc yêu cầu hủy bỏ Quyết định số 5883/QĐ-UBND, Quyết định số 5884/QĐ-UBND ngày 10/11/2011 của UBND huyện P về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho ông Đinh Quang T; Quyết định số 4208/QĐ-UBND ngày 25/8/2016 của UBND huyện P về việc bổ sung bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho ông Đinh Quang T; Quyết định số 4438/QĐ-UBND ngày 12/6/2016 của Chủ tịch UBND huyện P về việc giải quyết khiếu nại của ông Đinh Quang T. Tuyên buộc UBND huyện P ban hành quyết định bồi thường cho các người thừa kế của ông T theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ kiện được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

- Tại phiên tòa, đại diện người khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định 5884/QĐ-UBND ngày 10/11/2011 bồi thường, hỗ trợ cho diện tích 3.204,2m² bị thu hồi theo Quyết định số 5301/QĐ-UBND ngày 28/10/2011 là quyết định liên quan trực tiếp trong vụ án nên cần phải xem xét.

Các quyết định bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi thu hồi đất: Quyết định số 5883/QĐ-UBND, Quyết định số 5884/QĐ-UBND ngày 10/11/2011, Quyết định số 4208/QĐ-UBND ngày 25/8/2016 của UBND huyện P và Quyết định giải quyết khiếu nại số 4438/QĐ-UBND ngày 12/6/2016 của Chủ tịch UBND huyện P là những quyết định hành chính trong quản lý nhà nước về đất đai nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang theo quy định tại Điều 30, 32 của Luật Tố tụng hành chính.

- Về thời hiệu khởi kiện:

Ngày 18/4/2018, chị Thuý nhận được Quyết định số 4208/QĐ-UBND ngày 25/8/2016 của UBND huyện P về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho ông T số tiền 345.211.200 đồng.

Ngày 26/6/2018, chị T và anh D khởi kiện tại TAND tỉnh Kiên Giang yêu cầu hủy các quyết định nêu trên là còn thời hiệu theo quy định điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

- Người bị kiện Chủ tịch UBND huyện P đồng thời là người đại diện hợp pháp của UBND huyện P có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 158 của Luật Tố tụng hành chính xét xử vắng mặt đối với người bị kiện.

Ông Đinh Quang T có tên trong chứng minh nhân dân là ông Đinh Văn T. Tại các văn bản liên quan đến việc thu hồi đất và khiếu nại đối với UBND huyện P, ông T đều ký tên là ông Đinh Quang T. UBND xã có văn bản xác nhận ông Đinh Quang T và Đinh Văn T là một người. Nên các quyết định liên quan ghi tên ông Đinh Quang T là phù hợp.

[2]. Xem xét về tính hợp pháp của các quyết định hành chính bị kiện:

- Quyết định số 5883/QĐ-UBND ngày 10/11/2011, Quyết định số 5884/QĐ-UBND ngày 10/11/2011 và Quyết định số 4208/QĐ-UBND ngày

25/8/2016 là các quyết định về bồi thường, hỗ trợ được UBND huyện P ban hành đúng thẩm quyền theo quy định của Luật Đất đai.

- Quyết định số 4438/QĐ-UBND ngày 12/6/2016 là quyết định giải quyết khiếu nại nên Chủ tịch UBND huyện P ban hành đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 18 Luật Khiếu nại.

[3]. Về nội dung:

Quyết định số 4438/QĐ-UBND ngày 12/6/2016 của Chủ tịch UBND huyện P thừa nhận toàn bộ diện tích đất ông T bị thu hồi có thời điểm sử dụng năm 2000. Trên đất có thành quả lao động.

UBND huyện P không bồi thường quyền sử dụng đất cho ông T vì xác định diện tích đất ông T bị thu hồi nằm trong diện tích đất UBND huyện đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Ban Quản lý rừng phòng hộ và rừng Đặc dụng P ngày 18/6/1998 nên việc sử dụng đất của ông T là trái phép.

Tuy nhiên, theo nội dung của Quyết định số 4438/QĐ-UBND, Chủ tịch UBND huyện P chia diện tích đất của ông T thành hai thửa. Thửa thứ nhất diện tích 7.617,4m² có nguồn gốc do bà Lê Thị Chiên phát dọn sử dụng khoảng năm 2000 và làm giấy tay chuyển nhượng cho ông T ngày 20/10/2000. Sau khi nhận chuyển ông T vào sử dụng trồng trà và vàng cho đến khi quy hoạch. Thửa còn lại diện tích 33.509,4m² cũng khoảng thời gian năm 2000 ông T tự khai phá trồng trà dưới sự chỉ dẫn của ông Lê Văn Út.

Chủ tịch UBND huyện P không đề cập đến việc sử dụng đất của ông T có bị chính quyền địa phương, cơ quan có thẩm quyền khác xử lý, hoặc ngăn chặn hay không, điều này phù hợp với lời trình bày của người khởi kiện.

Đất của ông T bị thu hồi thuộc nhóm đất nông nghiệp, có thời gian sử dụng sau ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2004, không có giấy chứng nhận hoặc một trong các loại giấy tờ và quyền sử dụng đất quy định tại khoản 1 Điều 50 của Luật Đất đai, không có tranh chấp thì việc bồi thường, hỗ trợ về đất được thực hiện theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 45 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP, cụ thể: “*d) Trường hợp đất đang sử dụng thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 14 Nghị định này hoặc diện tích đất nông nghiệp vượt hạn mức giao đất quy định tại Điều 70 của Luật Đất đai và khoản 1 Điều 69*

Nghị định số 181/2004/NĐ-CP thì người sử dụng đất không được bồi thường về đất; nếu đất đang sử dụng là đất có nhà ở mà người có đất bị thu hồi không có chỗ ở nào khác thì được hỗ trợ về đất hoặc được giải quyết nhà tái định cư theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh”.

Diện tích đất ông T bị thu hồi nằm trong diện tích đất rừng phòng hộ được UBND tỉnh giao, là đất của tổ chức, việc sử dụng đất của ông T vi phạm tại điểm đ khoản 4 Điều 14 Nghị định 84/2007/NĐ-CP: *“Lấn, chiếm đất sử dụng cho mục đích công cộng, đất chuyên dùng, đất của tổ chức, đất chưa sử dụng và các trường hợp vi phạm khác đã có văn bản ngăn chặn nhưng người sử dụng đất vẫn cố tình vi phạm”.* Nhưng từ lúc sử dụng đến khi bị thu hồi đất ông T không bị xử phạt vi phạm hành chính, không có văn bản ngăn chặn của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nên không thuộc trường hợp loại trừ bồi thường.

Đối chiếu các quy định này thì ông T đủ điều kiện để được bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất. UBND huyện P thu hồi đất chỉ hỗ trợ mà không bồi thường cho ông T là không đúng quy định của pháp luật.

Chủ tịch UBND huyện P khi giải quyết khiếu nại của ông T chỉ chấp nhận hỗ trợ thêm một phần diện tích đất bị thu hồi mà không bồi thường là không phù hợp.

Vì vậy, cần phải hủy bỏ các quyết định bồi thường và quyết định giải quyết khiếu nại của UBND huyện P và Chủ tịch UBND huyện P.

Chị T và anh D không yêu cầu giải quyết khiếu nại lại nên không cần thiết kiến nghị Chủ tịch UBND huyện P ban hành quyết định giải quyết khiếu nại lại.

Đối với việc ban hành quyết định bồi thường mới thay thế cho quyết định bị hủy, do tại thời điểm hiện nay ông T đã chết, Luật Đất đai năm 2003 đã hết hiệu lực nên UBND huyện P cần phải áp dụng các quy định của Luật Đất đai năm 2013 để ra quyết định bồi thường, hỗ trợ cho những người thừa kế của ông T.

Từ những nhận định trên sau khi thảo luận, Hội đồng xét xử nghị nên chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát; chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Huỳnh Phương T và anh Đinh Huỳnh Phương D và người đại diện theo ủy quyền ông Bùi Hồng Đ. Hủy Quyết định số 5883/QĐ-UBND ngày

10/11/2011, Quyết định số 5884/QĐ-UBND ngày 10/11/2011 và Quyết định số 4208/QĐ-UBND ngày 25/8/2016 của UBND huyện P về việc bồi thường, hỗ trợ cho ông Đinh Quang T. Hủy Quyết định số 4438/QĐ-UBND ngày 12/6/2016 của Chủ tịch UBND huyện P về việc giải quyết khiếu nại cho ông T. Kiến nghị UBND huyện P ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ mới thay thế cho các quyết định bồi thường bị hủy.

[4]. Án phí hành chính sơ thẩm: UBND huyện P và Chủ tịch UBND huyện P mỗi đương sự phải chịu 300.000 đồng. Hoàn trả cho chị Đinh Huỳnh Phương T và anh Đinh Huỳnh Phương D tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 30, 32, 116, 158, 164, 193, 194 của Luật Tố tụng hành chính;
- Căn cứ Điều 18, 21, 31, 40 của Luật Khiếu nại;
- Căn cứ Điều 42, 70 của Luật Đất đai năm 2003;
- Căn cứ Điều 75, Điều 77 của Luật Đất đai năm 2013;
- Căn cứ Điều 14, 45 của Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ quy định bổ sung về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai.

- Căn cứ Điều 32 của Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Huỳnh Phương T và anh Đinh Huỳnh Phương D.

- Hủy Quyết định số 5883/QĐ-UBND ngày 10/11/2011 của UBND huyện P về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án xây dựng Khu du lịch – Dân cư Nam Bãi Trường tại xã Dương Tơ và thị trấn A, huyện P, tỉnh Kiên Giang.

- Hủy Quyết định số 5884/QĐ-UBND ngày 10/11/2011 của UBND huyện P về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án xây dựng Khu du lịch – Dân

cur Nam Bãi Trường tại xã Dương Tư và thị trấn A, huyện P, tỉnh Kiên Giang.

- Hội Quyết định số 4208/QĐ-UBND ngày 25/8/2016 của UBND huyện P về việc bổ sung bồi thường, hỗ trợ và tái định cho ông Đinh Quang T.

- Hội Quyết định số 4438/QĐ-UBND ngày 12/6/2016 của Chủ tịch UBND huyện P về việc giải quyết khiếu nại cho ông Đinh Quang T, địa chỉ khu phố 8, thị trấn D, huyện P, tỉnh Kiên Giang.

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện P thực hiện nhiệm vụ công vụ theo quy định của pháp luật.

- Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện P ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ cho những người thừa kế của ông Đinh Văn T (Đinh Quang T) theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí:

- Ủy ban nhân dân huyện P phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng);

- Chủ tịch ủy ban nhân dân huyện P phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

- Hoàn trả cho chị Đinh Huỳnh Phương T và anh Đinh Huỳnh Phương D tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004097 ngày 05 tháng 7 năm 2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- Cục THADS tỉnh Kiên Giang;
- UBND tỉnh Kiên Giang;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Cẩm Thu